

Số: 676 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19/01/2026 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 94/QĐ-BTC ngày 20/01/2026 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 32/TTr-STC và Tờ trình số 33/TTr-STC ngày 29/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung: 20 thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (*Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 11 thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng. (*Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường đặc khu để niêm yết, công khai; hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (BTP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, TC;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH DÙNG CHUNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA								
1	1.014736	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Thời gian cụ thể giải quyết thủ tục hành chính được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của từng cơ quan theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình	Thời gian cụ thể giải quyết thủ tục hành chính được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của từng cơ quan theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không		x	- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			mục tiêu quốc gia. Trong đó, việc công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau: - Công khai kết quả đánh giá của Hội đồng tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin của cơ quan quản lý dự án hoặc trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án do cấp tỉnh quản lý), trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do cấp xã quản lý) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo	mục tiêu quốc gia. Trong đó, việc công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau: - Công khai kết quả đánh giá của Hội đồng tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin của cơ quan quản lý dự án hoặc trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án do cấp tỉnh quản lý), trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do cấp xã quản lý) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo					

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			đánh giá của Hội đồng - Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chủ trì liên kết trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết. - Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát	cáo đánh giá của Hội đồng - Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chủ trì liên kết trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết. - Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát					

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn từng dự án.	triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn từng dự án.					

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP								
1	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
2	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
3	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
						đăng ký qua mạng điện tử			- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
4	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
5	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
					hành chính công cấp xã.	nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử			- Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
6	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh; đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; đăng ký thay đổi chủ sở hữu	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết.							
7	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện,	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.							- Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
8	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									- Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
9	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
10	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
					công cấp xã.	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử			cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
11	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
12	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử			- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
13	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
14	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp; Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
15	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh; đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh:	- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh:	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 25.000 đồng - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân: Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.					- Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
16	2.000368	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường; chấm	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.
17	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
18	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	x		- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66/7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ MỚI BAN HÀNH

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA									
1	1.014737	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Thời gian cụ thể giải quyết thủ tục hành chính được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của phòng chuyên môn cấp xã theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó: - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất	Thời gian cụ thể giải quyết thủ tục hành chính được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của phòng chuyên môn cấp xã theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó: - Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không		x	- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			dự án: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Thời gian công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau: + Công khai kết quả lựa chọn của Tổ đánh giá tại trụ sở làm việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Tổ. + Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của tổ, nhóm hộ, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ	dự án: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Thời gian công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau: + Công khai kết quả lựa chọn của Tổ đánh giá tại trụ sở làm việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Tổ. + Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của tổ, nhóm hộ, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chậm nhất không quá 05 ngày làm việc. + Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn dự án.	trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chậm nhất không quá 2,5 ngày làm việc. + Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn dự án.					

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp		
1.	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
2.	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
3.	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
4.	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
5.	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
6.	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
7.	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
8.	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
9.	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
10.	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
11.	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Quyết định số 4166/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính